

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – VĨNH LONG**

Bản án số: 07/2025/DS-ST

Ngày: 10/7/2025

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Minh Thơ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Cảnh

Bà Trần Ngọc Diệu

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Kiến Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Đào Văn Trong - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 129/2025/TLST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2025, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 199/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 171/2025/QĐST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Trung K, sinh năm 1982 (có mặt);

Địa chỉ: ấp H, xã N, tỉnh V (địa chỉ trước khi sáp nhập là ấp H, xã N, huyện G, tỉnh B).

2. Bị đơn: Ông Võ Hoàng L, sinh năm 1984 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp H, xã N, tỉnh V (địa chỉ trước khi sáp nhập là ấp H, xã N, huyện G, tỉnh B).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1983 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp H, xã N, tỉnh V (địa chỉ trước khi sáp nhập là ấp H, xã N, huyện G, tỉnh B).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai; biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Nguyễn Trung K trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên ông có cho ông Võ Hoàng L, sinh năm 1984, địa chỉ: ấp H, xã N, tỉnh V (địa chỉ trước khi sáp nhập là ấp H, xã N, huyện G,

tỉnh B) vay tiền nhiều lần. Tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của ông là hai Giấy xác nhận nợ, cụ thể:

Thứ nhất: Đối với Giấy xác nhận đề ngày 26/10/2023: Ông L có hỏi mượn tiền của ông do nhu cầu sử dụng vốn làm ăn, ông đồng ý nên chuyển khoản nhiều lần cho ông L trong các ngày 05, 06, 09, 10, 12, 13, 14, 25 của tháng 8 năm 2023, ông lần lượt chuyển khoản cho ông L tổng số tiền 195.000.000 (một trăm chín mươi lăm triệu) đồng; các ngày 01, 09 của tháng 9 năm 2023, ông chuyển khoản cho ông L tổng số tiền 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng; ngày 21/10/2023, ông chuyển khoản cho ông L số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng. Ông đã chuyển khoản tổng cộng số tiền 285.000.000 (hai trăm tám mươi lăm triệu) đồng và giao số tiền mặt 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng cho ông L nên ông yêu cầu ông L viết Giấy xác nhận ngày 26/10/2023 có nội dung ông L thừa nhận mượn của ông số tiền 275.000.000 (hai trăm bảy mươi lăm triệu) đồng, thời hạn trả tiền là 12 tháng tính từ ngày 05/8/2023, không có lãi suất, cuối giấy xác nhận ông L có ký tên, ghi rõ họ tên dưới phần người mượn. Vì trong quá trình ông cộng tổng số tiền đã chuyển khoản cho ông L bị nhầm lẫn nên chỉ yêu cầu ông L ghi Giấy xác nhận mượn tổng số tiền 275.000.000 đồng (gồm cả phần tiền mặt 20.000.000 đồng).

Thứ hai: Đối với Giấy xác nhận đề ngày 27/10/2023: Do ông L tiếp tục nói có nhu cầu sử dụng vốn làm ăn nên hỏi mượn tiền của ông, ông đồng ý nên chuyển khoản cho ông L, cụ thể: ngày 26/10/2023, ông chuyển khoản cho vợ ông là bà Nguyễn Thị Ngọc T số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng để đến ngày 27/10/2023 bà T thay ông chuyển khoản cho ông L mượn số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng; cũng trong ngày 27/10/2023, ông chuyển khoản cho ông L số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng. Ông yêu cầu ông L viết Giấy xác nhận ngày 27/10/2023 thừa nhận có mượn ông số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, hình thức nhận chuyển khoản, thời hạn trả tiền là 06 tháng tính từ ngày 27/10/2023, không có lãi suất, cuối giấy xác nhận ông L có ký tên, ghi rõ họ tên dưới phần người mượn.

Đến hạn trả tiền của Giấy xác nhận đề ngày 26/10/2023 là ngày 05/8/2024 và hạn trả tiền của Giấy xác nhận đề ngày 27/10/2023 là ngày 27/4/2024, ông L vẫn không trả tiền mặc dù ông đã nhiều lần liên hệ nhưng ông L chỉ hứa hẹn.

Nay ông yêu cầu Tòa án buộc ông L trả cho ông số tiền nợ gốc là 375.000.000 (ba trăm bảy mươi lăm triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi, không có yêu cầu gì thêm.

Tại biên bản lấy lời khai; đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

Bà là vợ của ông Nguyễn Trung K nên vào ngày 26/10/2023 ông K có chuyển tiền từ số tài khoản 0181002864325 qua số tài khoản 0181002430936 của bà số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng. Ông K nhờ bà chuyển lại số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng để cho ông Võ Hoàng L mượn. Bà cho rằng số tiền 375.000.000 (ba trăm bảy mươi lăm triệu) đồng là tiền cá nhân của ông K, việc ông K cho ông L mượn tiền là việc của hai bên, bà khẳng định không có yêu cầu gì trong vụ án này. Bà biện công việc nên có yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long (trước đây là Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre) đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các Giấy triệu tập nhưng bị đơn là ông Võ Hoàng L đều vắng mặt không lý do nên không có lời trình bày, yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố Tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 73 Bộ luật tố Tụng dân sự. Đối với bị đơn không tuân thủ đầy đủ quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố Tụng dân sự do vắng mặt các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, các phiên hòa giải và các phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trung K, buộc ông Võ Hoàng L trả cho ông K số tiền gốc đã vay là 375.000.000 (ba trăm bảy mươi lăm triệu) đồng, ghi nhận ông K không yêu cầu tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ lời trình bày của đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn ông Nguyễn Trung K khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long (trước đây là Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre) giải quyết buộc bị đơn ông Võ Hoàng L có nghĩa vụ trả số tiền nợ vay là tranh chấp dân sự. Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định vụ án có quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án: Bị đơn ông L có nơi cư trú tại ấp H, xã N, tỉnh V (trước đây là ấp H, xã N, huyện G, tỉnh B) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại tòa án.

- Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Ông L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do; bà T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều

227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông L, bà T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Trung K về việc yêu cầu bị đơn ông Võ Hoàng L trả số tiền nợ gốc đã vay là 275.000.000 (hai trăm bảy mươi lăm triệu) đồng theo theo Giấy xác nhận đề ngày 26/10/2023:

Theo ông Kết trình bày thì do có mối quan hệ quen biết nên ông có cho ông L vay tiền để lấy vốn làm ăn, thời hạn trả tiền là 12 tháng tính từ ngày 05/8/2023, không có lãi suất, hình thức chuyển khoản + giao tiền mặt, hai bên có làm Giấy xác nhận đề ngày 26/10/2023, cuối giấy xác nhận ông L có ký tên, ghi rõ họ tên dưới phần người mượn. Thực tế, ông K đã chuyển khoản 12 lần cho ông L trong khoảng thời gian từ ngày 05/8/2023 đến ngày 21/10/2023, với tổng số tiền 285.000.000 (hai trăm tám mươi lăm triệu) đồng và giao số tiền mặt 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng. Vì trong quá trình ông cộng tổng số tiền đã chuyển khoản cho ông L bị nhầm lẫn nên chỉ yêu cầu ông L ghi Giấy xác nhận mượn số tiền 275.000.000 đồng (gồm cả phần tiền mặt 20.000.000 đồng) thay cho số tiền 305.000.000 (ba trăm lẻ năm triệu) đồng và tại phiên tòa ông khẳng định chỉ yêu cầu ông L phải trả theo đúng số tiền 275.000.000 (hai trăm bảy mươi lăm triệu) đồng đã ghi trong Giấy xác nhận đề ngày 26/10/2023.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của ông K là Giấy xác nhận đề ngày 26/10/2023 do ông K cung cấp có chữ ký tên, ghi họ tên của ông L dưới dòng chữ người mượn, có nội dung “Tôi tên Nguyễn Trung Kết sinh năm 1982 có cho anh Võ Hoàng L mượn số tiền 275.000.000 (Hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng) trong đó có 20.000.000 (Hai mươi triệu) là tiền mặt còn lại là chuyển khoản. Thời hạn là 12 tháng kể từ ngày nhận tiền 05-8-2023 đến ngày 5-8-2024 anh Võ Hoàng L phải hoàn trả số tiền trên cho tôi”. Ông K cho rằng hai bên không có thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày ông chuyển khoản đầu tiên là ngày 05/8/2023, đến sau ngày chuyển tiền cuối cùng là ngày 21/10/2023 thì vào ngày 26/10/2023 thì hai bên ngồi lại ghi Giấy xác nhận. Ông K cung cấp sao kê tài khoản có tên NGUYEN TRUNG K, số tài khoản 01810002864325 để chứng minh 12 lần chuyển khoản cho ông L qua số tài khoản 0281000512536, với số tiền 285.000.000 (hai trăm tám mươi lăm triệu) đồng. Theo Văn bản số 406/BDU-KT.m ngày 27/5/2025 và kèm theo sao kê tài khoản của Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh D cung cấp thông tin tài khoản số 0281000512536, tên chủ tài khoản Võ Hoàng L, loại tài khoản: tài khoản thanh toán, địa chỉ: ấp H, xã N, huyện G, tỉnh B và có nhận chuyển khoản 12 lần, tổng số tiền 285.000.000 (hai trăm tám mươi lăm triệu) đồng đúng như ông K trình bày. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 7 - Vĩnh Long (trước đây là Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre) đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn anh Võ Hoàng L các văn bản Thông báo về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ; Thông báo về việc thụ lý vụ án; các Thông báo

về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các Giấy triệu tập nhưng anh L đều vắng mặt không lý do nên không có lời trình bày, ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông K. Theo biên bản về việc ghi nhận ý kiến của bà Hồ Thị Hồng G ngày 27/5/2025 thì bà G cho biết bà là vợ của ông Võ Hoàng L, sinh năm 1984, địa chỉ ấp H, xã N, huyện G; ông L có biết nội dung các văn bản của Tòa án nhưng chưa sắp xếp được thời gian đến Tòa án trình bày ý kiến. Qua đó, có cơ sở xác định giữa ông K và ông L đã tự nguyện thỏa thuận Hợp đồng vay tài sản, không có lãi suất, có kỳ hạn, có giấy xác nhận nhưng không có công chứng hoặc chứng thực. Căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự “Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận của các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định” theo đó không bắt buộc về hình thức của hợp đồng vay tài sản và cũng không yêu cầu phải công chứng hoặc chứng thực. Như vậy, Giấy xác nhận đề ngày 26/10/2023 có giá trị pháp lý theo quy định tại Điều 117, Điều 119 Bộ luật dân sự, từ đó phát sinh quyền và nghĩa vụ của ông K và ông L.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng vay tài sản, ông L không thực hiện đúng những thỏa thuận đã ký kết, không trả tiền nợ gốc đúng kỳ hạn. Ông L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc từ ngày 05/8/2024, mặc dù ông K có liên hệ nhắc trả nợ nhưng ông L vẫn không thanh toán. Ông K khởi kiện yêu cầu ông L có trách nhiệm trả số tiền nợ 275.000.000 (hai trăm bảy mươi lăm triệu) đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng với số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác” nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Trung K về việc yêu cầu bị đơn ông Võ Hoàng L trả số tiền nợ gốc đã vay là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng theo Giấy xác nhận đề ngày 27/10/2023:

Theo ông K trình bày thì do có nhu cầu vay tiền để lấy vốn làm ăn nên ông L tiếp tục hỏi vay tiền của ông, số tiền vay là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, thời hạn trả tiền là 06 tháng tính từ ngày 27/10/2023, không có lãi suất, hình thức chuyển khoản, hai bên có làm Giấy xác nhận đề ngày 27/10/2023, cuối giấy xác nhận ông L có ký tên, ghi rõ họ tên dưới phần người mượn. Thực tế, ông K đã nhờ vợ của ông K là bà Nguyễn Thị Ngọc T chuyển khoản cho ông L số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng vào ngày 27/10/2023, còn ông K cũng chuyển khoản cho ông L số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng vào ngày 27/10/2023 do ông nghĩ giao dịch chuyển khoản tiền của một người tối đa trong 01 ngày là không vượt quá số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của ông K là Giấy xác nhận đề ngày 27/10/2023 do ông K cung cấp có chữ ký tên, ghi họ tên của ông L dưới dòng chữ người mượn, có nội dung “Tôi tên Nguyễn Trung K sinh năm 1982 có cho anh Võ Hoàng L mượn số tiền 100.000.000 (một trăm triệu đồng) chuyển khoản vào ngày 27/10/2023. Thời hạn 6 tháng ngày 27/4/2024 anh L phải hoàn trả số tiền nêu trên”. Ông K cho rằng ông cho ông L vay số tiền 100.000.000 (một trăm triệu đồng) đồng không có thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày ông chuyển khoản là ngày 27/10/2023, hai bên ngồi lại ghi Giấy xác nhận. Ông K cung cấp sao kê tài khoản có tên NGUYEN THI NGOC T, số tài khoản 01810002430936 để chứng minh thực tế bà T có chuyển khoản cho ông L qua số tài khoản 0281000512536, với số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng vào ngày 27/10/2023 và sao kê tài khoản có tên NGUYEN TRUNG K, số tài khoản 01810002864325 để chứng minh thực tế ông có chuyển khoản cho ông L qua số tài khoản 0281000512536, với số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng vào ngày 27/10/2023. Căn cứ Sao kê tài khoản đính kèm theo Văn bản số 406/BDU-KT.m ngày 27/5/2025 của Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh D cung cấp thông tin trong ngày 27/10/2023 thì ông L nhận chuyển khoản từ bà T số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng và từ ông K số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông L vắng mặt không lý do nên không có lời trình bày, ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông K. Qua đó, có cơ sở xác định giữa ông K và ông L đã tự nguyện thỏa thuận Hợp đồng vay tài sản, không có lãi suất, có kỳ hạn, Giấy xác nhận đề ngày 27/10/2023 có giá trị pháp lý theo quy định tại Điều 117, Điều 119 Bộ luật dân sự, từ đó phát sinh quyền và nghĩa vụ của ông K và ông L.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng vay tài sản, ông L không thực hiện đúng những thỏa thuận đã ký kết, không trả tiền nợ gốc đúng kỳ hạn. Ông L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc từ ngày 27/4/2024, mặc dù ông K có liên hệ nhắc trả nợ nhưng ông L vẫn không thanh toán. Ông K khởi kiện yêu cầu ông L có trách nhiệm trả số tiền nợ 100.000.000 (một trăm triệu) đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông K không yêu cầu tính lãi đối với tổng số tiền gốc 375.000.000 (ba trăm bảy mươi lăm triệu) đồng đã cho ông L vay nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Qua những phân tích nêu trên, xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Võ Hoàng L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Trung K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.375.000 (chín triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tổ tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tổ tụng dân sự, Luật tổ tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại tòa án;

Căn cứ các điều 117, 119, 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Trung K đối với bị đơn ông Võ Hoàng L về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản:

1.1 Buộc bị đơn ông Võ Hoàng L có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Trung K số tiền nợ tổng cộng là 375.000.000 (ba trăm bảy mươi lăm triệu) đồng.

1.2 Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 18.750.000 (mười tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng, buộc ông Võ Hoàng L phải nộp.

Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long hoàn trả cho ông Nguyễn Trung K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.375.000 (chín triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010431 ngày 17 tháng 3 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 – Vĩnh Long).

3. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

4. Về quyền yêu cầu thi hành án:

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 7 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 7 – Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Phạm Minh Thơ